

Bản án số: 01/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 20 -5-2025
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Hải
2. Bà Hà Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: ông Tăng Bá Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/HNGĐ-ST ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị H, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Bản Châu C, xã Chiềng C, thành phố S, tỉnh S. Nơi đăng ký tạm trú: Tổ 14, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đàm Hữu T, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Xã Vĩnh Th , huyện V, tỉnh Vĩnh P . Nơi đăng ký tạm trú: Tổ 14, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. *Nghề nghiệp:* Lao động tự do. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố L, chị Quàng Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Đàm Hữu T kết hôn ngày 09/3/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ch , thành phố S , tỉnh S , anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng

quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Đến tháng 7 năm 2024 hai anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, sau khi hai bên gia đình hòa giải không có kết quả, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố Sơn La để sinh sống, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị Quàng Thị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Hữu T.

Về con chung: Chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T có 02 con chung tên là Đàm Hữu Gia B, sinh ngày 02/9/2015 và Đàm Hữu Gia K, sinh ngày 04/12/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu anh Đàm Hữu T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị Quàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đàm Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Quàng Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ch, thành phố S, tỉnh S. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc, sau một thời gian thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, hiện tại chị H đề nghị giải quyết ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh và chị Quàng Thị H có 02 con chung tên là Đàm Hữu Gia B, sinh ngày 02/9/2015 và Đàm Hữu Gia K, sinh ngày 04/12/2019. Nếu chị H nhất trí giao cả hai con cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi thì anh sẽ nhất trí ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu phản tố.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2024 cháu Đàm Hữu Gia B khai có nguyện vọng được chung sống với bố.

Tại phiên tòa, chị Quàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không đề nghị anh Đàm Hữu T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh Đàm Hữu T trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí ly hôn. Việc nuôi con chung anh vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không đề nghị chị Quàng Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy

định; Xác định đúng tư cách tổ tụng của đương sự; Thu thập chứng cứ khách quan, công khai; Ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; Việc cấp, tổng đạt văn bản tổ tụng đảm B. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Các Điều 147, 254, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: chị Quàng Thị H được ly hôn với anh Đàm Hữu T. Việc nuôi con: Giao cháu Đàm Hữu Gia B, sinh ngày 02/9/2015 cho anh Đàm Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Đàm Hữu Gia K, sinh ngày 04/12/2019 cho chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề giải quyết. Chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Về chia tài sản: chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Quàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải thích quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đều có địa chỉ tạm trú tại thành phố L, tỉnh L, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày ngày 09/3/2015, chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ch, thành phố S, tỉnh S trên cơ sở hai bên tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái. Đến tháng 7 năm 2024 hai bên nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun vén hạnh phúc gia đình; không chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình... Vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Quàng Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa anh Đàm Hữu T nhất trí ly hôn. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ để xem xét, chấp nhận

[2] Việc nuôi con: chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T có 02 con chung tên là Đàm Hữu Gia B, sinh ngày 02/9/2015 và Đàm Hữu Gia K, sinh ngày 04/12/2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay các cháu đều còn nhỏ, việc giao con cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền được yêu thương, tôn trọng, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành những người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Xét thấy hiện nay chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T đều là lao động tự do và có thu nhập, do đó việc giao các con chung cho hai anh chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đều đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Đối chiếu với các quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ để giao cháu Đàm Hữu Gia B, sinh ngày 02/9/2015 cho anh Đàm Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Đàm Hữu Gia K, sinh ngày 04/12/2019 cho chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T đều không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

[3]. Về chia tài sản: chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Chị Quàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 254, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Quàng Thị H được ly hôn với anh Đàm Hữu T.

2. Việc nuôi con:

Giao cháu Đàm Hữu Gia B, sinh ngày 02/9/2015 cho anh Đàm Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đàm Hữu Gia B đủ 18 tuổi.

Giao cháu Đàm Hữu Gia K, sinh ngày 04/12/2019 cho chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đàm Hữu Gia K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung..

Chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

3. Việc chia tài sản: chị Quàng Thị H và anh Đàm Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Quàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001054 ngày 26/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*). Xác nhận chị Quàng Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn là anh Đàm Hữu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn là chị Quàng Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- THADS TP.L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND phường Ch, thành phố S,
tỉnh S;
- Lưu HSVA.

Tòng Thị Tuyết

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

